

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

##### - Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt:

| Nội dung đánh giá   |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, yêu cầu dịch vụ liên quan</b>                                 |  |                                 |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa và yêu cầu dịch vụ liên quan                               | - Nhà thầu chào đầy đủ mã, part sản phẩm theo danh mục hàng hóa dự thầu (nếu có), đối với thiết bị có nhiều thành phần, nhà thầu cung cấp bảng chi tiết thành phần chào.<br>- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của HSMT.<br>- Đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ liên quan | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa</b>                                   |  |                                 |
| Tính hợp lý của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.                        | - Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý.<br>- Có cam kết thực hiện các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của HSMT   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý hoặc không có cam kết thực hiện các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của HSMT  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>3. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>   |  |                                 |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Có tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.  | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và yêu cầu của HSMT.   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>4. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường</b>   |  |                                 |

| <b>Nội dung đánh giá</b>   |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--|---|--|
| <b>4.1 Khả năng thích ứng về địa lý</b>  |   |  |
| Khả năng thích ứng về địa lý.  | Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý.   | <b>Đạt</b>                             |
|  | Hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về địa lý nhưng không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của thiết bị  | <b>Chấp nhận được</b>                  |
|  | Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý.   | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>4.2 Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</b>                               |   |  |
| Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết. | Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường.  | <b>Đạt</b>                             |
|  | Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết.   | <b>Chấp nhận được</b>                  |
|  | Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết.   | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>5. Bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật</b>   |   |  |
| - Thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật: 03 năm kể từ ngày nghiệm thu hàng hoá.</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của nhà thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ qua từ xa (remote) hoặc qua điện thoại và email: 24x7.</li> <li>+ Onsite hỗ trợ kỹ thuật khi có sự cố trong vòng 4h nếu hỗ trợ từ xa không thành công.</li> <li>+ Thực hiện cập nhật bản vá (nếu có).</li> <li>+ Bảo trì và kiểm tra hệ thống: Thực hiện hằng quý sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng trong thời gian bảo hành, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra, ghi nhận các thông số vận hành của hệ thống và đưa ra các khuyến nghị giúp hoạt động ổn định của hệ thống, hạn chế sự cố xảy ra.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> | <b>Đạt</b>                             |

| <b>Nội dung đánh giá</b>  |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|--|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin hoạt động (logs) của hệ thống thiết bị.</li> <li>• Ghi nhận các thông số vận hành.</li> <li>• Phân tích log nhằm phát hiện các bất thường đối với các thông số vận hành và các cảnh báo (nếu có) của các thiết bị.</li> <li>• Đưa ra các đề xuất, khuyến nghị (nếu có).</li> </ul>   |  |
|   | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ</b>  |  |  |
| Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.             | Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.   | <b>Đạt</b>                             |
| Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.  | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>7. Uy tín của nhà thầu</b>   |  |  |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó   | <p>Nhà thầu không có tên trong Danh sách nhà thầu không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu công bố trên <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn/">https://muasamcong.mpi.gov.vn/</a> trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>hoặc</p> <p>Nhà thầu có tên Danh sách nhà thầu không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu công bố trên <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn/">https://muasamcong.mpi.gov.vn/</a> trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 214/2025/NĐ-CP và đã thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá</p> | <b>Đạt</b>                             |

| <b>Nội dung đánh giá</b>      |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|-------------------------------|---|--|
|                               | trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu trong thông báo mời thầu của gói thầu này. |  |
|                               | Không đáp ứng 1 trong 2 điều kiện trên                                    | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>Kết luận<sup>(1)</sup></b> |   | —                                      |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.